

-----  
Bản án số: **71/2017/HNGĐ-ST**

Ngày: 18- 8- 2017

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi  
con chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Trương Thị Thịnh.

***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông **Nguyễn Quang Chung**.

2. Ông **Nguyễn Trọng Lâm**.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú tham gia phiên tòa:***  
Bà Trương Thị Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 18/8/2017, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Tân Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 180/2017/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2017 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2017/QĐST- HNGĐ ngày 01/8/2017 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Trần Thị T – 1974.

**Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn D – 1966.

Cùng địa chỉ: Tổ 5, ấp BM, xã PT, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

*(Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, bị đơn)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 26/5/2017, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay ý kiến của nguyên đơn bà Trần Thị T:*

Bà và ông Nguyễn Văn D tự tìm hiểu yêu thương rồi chung sống với nhau vào năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên có lời qua tiếng lại với nhau. Nay bà không còn tình cảm với ông D nên yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

- Về con chung: Bà và ông D có 03 con chung là Nguyễn Văn L, sinh năm 1996 (Đã mất), Nguyễn Thúy V, sinh năm 1998 và Nguyễn Đình H, sinh ngày 27/8/2009.

Đối với cháu V đã thành niên và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đình H. Bà T không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà và ông D tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Bà và ông D không vay nợ ai và không ai vay nợ ông bà nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản riêng, nợ riêng: Bà T khai báo không có và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

*Tại bản tự khai ngày 07/6/2017, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay ý kiến của bị đơn ông Nguyễn Văn D:*

Ông và bà Trần Thị T tự tìm hiểu yêu thương rồi chung sống với nhau vào năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên có lời qua tiếng lại với nhau. Cuộc sống chung vợ chồng không còn hạnh phúc nên nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông cũng đồng ý.

- Về con chung: Ông và bà T có 03 con chung là Nguyễn Văn L, sinh năm 1996 (Đã mất), Nguyễn Thúy V, sinh năm 1998 và Nguyễn Đình H, sinh ngày 27/8/2009.

Đối với cháu V đã thành niên và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Ông đồng ý giao cháu H cho bà T nuôi dưỡng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng. Ông D không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Ông D khai báo ông và bà T tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Ông và bà T không vay nợ ai và không ai vay nợ ông bà nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản riêng, nợ riêng: Ông D khai báo không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà T đã cung cấp những tài liệu, chứng cứ sau: Đơn khởi kiện, Sổ hộ khẩu của các đương sự (Bản sao); Giấy chứng minh nhân dân của bà T (Bản sao). Bản sao các tài liệu, chứng cứ này nguyên đơn đã gửi cho bị đơn.

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ sau: Bản tự khai của nguyên đơn, bị đơn; Biên bản xác minh về việc đăng ký kết hôn của các đương sự. Tòa án đã ra thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự biết. Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Bà T, ông D không có ý kiến gì và không bổ sung gì thêm.

***Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:***

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

- + Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà T, ông D là vợ chồng vì ông bà không đăng ký kết hôn.
- + Về con chung: Đề nghị giao cháu Nguyễn Đình H, sinh ngày 27/8/2009 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.
- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm thời ông D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.
- + Về tài sản chung: Bà T, ông D trình bày ông bà tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết. Vì vậy đề nghị không xem xét.
- + Về nợ chung: Bà T, ông D trình bày không có và không yêu cầu giải quyết vì vậy đề nghị không xem xét.
- + Về án phí: Bà T phải nộp 300.000đ án phí DSST về ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Tại phiên tòa bà Trần Thị T, ông Nguyễn Văn D không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án:**

Ngày 26/5/2017, Tòa án nhân dân huyện Tân Phú nhận đơn khởi kiện của bà Trần Thị T về việc: “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn” đối với ông Nguyễn Văn D – 1966, HKTT: Tổ 5, ấp Bàu Mây, xã Phú Thanh, huyện TP, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, căn cứ theo điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

#### **[2]. Về quan hệ pháp luật:**

Bà Trần Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn D, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đình H, sinh ngày 27/8/2009. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn".

#### **[3]. Về tư cách tham gia tố tụng:**

Theo đơn khởi kiện ngày 26/5/2017, bà Trần Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với ông Nguyễn Văn D. Căn cứ theo Khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà T là nguyên đơn, ông D là bị đơn trong vụ án.

#### **[4]. Về nội dung vụ án:**

Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn D tự nguyện sống chung với nhau vào năm 1994 có tổ chức lễ cưới nhưng không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Hôn nhân của ông bà hạnh phúc đến năm 2001 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình của ông bà không hòa hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống, giữa vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Nay tình cảm không còn nên bà T yêu cầu ly hôn với ông D. Ông D cũng đồng ý ly hôn.

Tuy nhiên, do bà T, ông D sống chung như vợ chồng từ năm 1994 mà không đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông bà không đảm bảo về việc đăng ký kết hôn mà khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân – Gia đình quy định. Vì vậy, khi bà T có yêu cầu ly hôn, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10; khoản 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP để tuyên bố không công nhận ông bà là vợ chồng.

- Về con chung: Bà T, ông D có 02 con chung là Nguyễn Thúy V, sinh năm 1998 và Nguyễn Đình H, sinh ngày 27/8/2009.

Khi ly hôn, bà T, ông D thỏa thuận và cùng nhất trí giao cháu Nguyễn Đình H cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu Nguyễn Thúy V đã thành niên và có khả năng lao động nên bà T, ông D không yêu cầu giải quyết. Bà T không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi chung nên tạm thời miễn việc cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho ông D.

Xét thấy sự thỏa thuận trên của bà T, ông D về vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, đảm bảo quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu H nên công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

- Về tài sản chung: Bà T, ông D tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Bà T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí DSST về ly hôn.

Xét quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào:

- Điều 28, 35, 147, khoản 2 Điều 227, 235 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Khoản 1 Điều 9, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014;
- Điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH 10 của Quốc hội; Khoản 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP;
- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Tuyên bố: Không công nhận quan hệ giữa bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn D là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà T, ông D có 02 con chung là: Nguyễn Thúy V, sinh năm 1998 và Nguyễn Đình H, sinh ngày 27/8/2009.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi dưỡng con chung như sau:

Đối với cháu Nguyễn Thúy V đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét, giải quyết. Giao cháu Nguyễn Đình H cho bà Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời ông D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ông D có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Vì lợi ích của con chung các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà T, ông D tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà T, ông D khai báo không có và không yêu cầu giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Bà Trần Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí DSST về ly hôn. Số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) bà T đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 005763 ngày 26/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú chuyển thành án phí.

Bà T, ông D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA huyện Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu HS – LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trương Thị Thịnh**

